

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐẶNG NGUYỄN CĂN



Hồ sơ THỰC HIỆN CÔNG KHAI

*Thực hiện theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục
và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.*



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG TIỂU HỌC
ĐẶNG NGUYỄN CĂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận 6, ngày 01 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học
Cuối năm học 2022-2023

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Trẻ 6 tuổi	HTCT Lớp 1	HTCT Lớp 2	HTCT Lớp 3	HTCT Lớp 4
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	CTGDPT 2018	CTGDPT 2018	CTGDPT 2018	Chương trình hiện hành của BGD&ĐT (35 tuần)	
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	-Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình thông qua hệ thống eNetViet, nhóm lớp Zalo, trao đổi trực tiếp,... Tổ chức họp CMHS lớp ít nhất 03 lần/năm. -Học sinh thực hiện nghiêm túc 5 nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ trường Tiểu học.				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Hoạt động ngoại khoá 02 lần/năm; Sinh hoạt chủ điểm hàng tuần dưới cờ và trên lớp học; Giáo dục kỹ năng sống, giáo dục an toàn trường học;.... Đảm bảo giáo dục toàn diện, phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh.				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	-Năng lực-Phẩm chất: Mức đạt Tốt 100%; -Các môn học và hoạt động GD: Hoàn thành và Hoàn thành tốt – Đạt từ 99.5 % trở lên. -Sức khỏe: 100% học sinh đạt mức sức khỏe Bình thường (giảm đến mức thấp nhất số HS suy dinh dưỡng và béo phì).				
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	-Các khối lớp 1-2-3-4: Hoàn thành chương trình lớp học 99.5% trở lên. -Lớp 5: Hoàn thành chương trình tiểu học 100%.				

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ


Tổng Thị Quốc Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG TIỂU HỌC
ĐẶNG NGUYỄN CĂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận 6, ngày 01 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế
Năm học 2021-2022

TT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	797	145	179	157	183	133
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	797	145	179	157	183	133
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	Theo báo cáo số liệu cuối năm học 2021-2022 (mẫu nhiều màu của Sở GD&ĐT)					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)						
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	Theo báo cáo số liệu cuối năm học 2021-2022 (mẫu nhiều màu của Sở GD&ĐT)					
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	797	145	179	157	183	133
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	791 99.2%	145 98.6%	176 98.3%	157 100%	182 99.5%	133 100%
a	Trong đó: + HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	710 89.1%	106 73.1%	147 82.1%	146 93.0%	178 97.3%	133 100%
b	+ HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	10 1.3%	1 0.7%	2 1.1%	0	2 1.1%	5 3.8%
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	6 0.8%	2 1.4%	3 1.7%	0	1 0.5%	0

Quận 6, ngày 01 tháng 9 năm 2022

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Tông Thị Quốc Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG TIỂU HỌC
ĐẶNG NGUYỄN CĂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận 6, ngày 01 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học
Năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	20	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	20	823/795
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	2329.3m ²	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	669.9m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	823m ²	
2	Diện tích thư viện (m ²)	42.6m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)		
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)		
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	47.52m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)		
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	44.8m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	3	
1.2	Khối lớp 2	4	
1.3	Khối lớp 3	5	
1.4	Khối lớp 4	4	
1.5	Khối lớp 5	4	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	

2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	38	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	20	01
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4	
5	Bảng tương tác	7	01

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	38.32
XI	Nhà ăn	190.08

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	10		9		215.4 /795
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Tổng Thị Quốc Thanh

Quận 6, ngày 01 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
Năm học 2022-2023

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng CDNN			Chuẩn Nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Tr.B	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	37			29	3	1			8	20	28			
I	Giáo viên	26			23	3				8	18	26			
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	1			1					1		1			
3	Tin học														
4	Âm nhạc														
5	Mỹ thuật	1			1						1	1			
6	Thể dục	1			1						1	1			
7	Giáo viên dạy lớp	21			18	3				6	15	21			
8	Giáo viên CTPC	1			1					1		1			
9	Giáo viên làm TPT	1			1						1	1			
II	Cán bộ quản lý	2			2						2	2			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1	1			
III	Nhân viên	9			4		1								
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	1			1										
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1			1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Nhân viên bảo vệ	2													
10	Nhân viên phục vụ	2													

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
ĐẶNG NGUYỄN CĂN
Tống Thị Quốc Thanh